|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Lớp** | **Thứ, ngày** | **Tiết** | **Tiết PPCT** |
| **5** | **6C**  **6A** | **Thứ 2**  **(7/10/2024)** | 3 | T19 |
| 4 |
| **6C** | **Thứ 4**  **( 9/10/2024)** | 1,2 | T.20,21 |
| **6A** | 3 | T.20 |
| **6C** | **Thứ 6**  **(11/10/2024)** | 3 | T22 |
| **6A** | 4,5 | T21.22 |

**TIẾT 19, 20: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết và phân tích được vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ;

- Nhận diện và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**

**PP/KTDH:** động não

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Khi đọc một VB thơ, em thấy ngôn ngữ trong thơ có gì khác so với ngôn ngữ đời thường?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

*- HS trả lời;*

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Thơ là một thể loại văn học, vì vậy ngôn ngữ thơ cũng sẽ có những chắt lọc và trau chuốt hơn so với ngôn ngữ đời thường. Vì thế ngôn ngữ thơ cũng sẽ sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ. Để tìm hiểu sâu hơn về ngôn ngữ thơ và các biện pháp tu từ, chúng ta cùng đi vào bài Thực hành tiếng Việt ngày hôm nay.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu lý thuyết**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về ngôn ngữ thơ, so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** KT đặt câu hỏi, thảo luận cặp đôi.  - GV lần lượt yêu cầu HS nhắc lại khái niệm về so sánh, nhân hóa và lấy ví dụ về so sánh, nhân hóa: *Ở tiểu học, các em đã được học về so sánh và nhân hóa, các em hãy cho biết so sánh, nhân hóa là gì? Tác dụng của biện pháp so sánh, nhân hóa là gì? Lấy ví dụ cho từng biện pháp so sánh, nhân hóa.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  + So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng.  + So sánh nhằm để cho sự diễn đạt thêm gợi hình gợi cảm.  + Nhân hóa là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, v.v... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người.  + Nhân hóa nhằm làm cho vật được nhân hóa trở nên sống động, gần gũi với con người.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng  **GV chuẩn kiến thức:**  - GV yêu cầu HS rút ra khái niệm về so sánh, nhân hóa.  **NV2:**  **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** thảo luận theo nhóm nhỏ.  - GV đưa ra ví dụ và yêu cầu: *Em hãy đọc các ví dụ sau đây và cho biết từ ngữ trong các ví dụ đó có gì đặc biệt?* GV có thể đưa ra gợi ý: *Từ ngữ trong những ví dụ này có được lặp đi lặp lại nhiều lần không?*  *+ VD1: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công.*  *(Hồ Chí Minh)*  *+ VD2:*  *Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*  *Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*  *Ngàn dâu xanh ngắt một màu*  *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*  *(Trích* ***Chinh phụ ngâm*** *– Đoàn Thị Điểm)*  *+ VD3:*  *Nhớ sao lớp học i tờ*  *Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan*  *Nhớ sao ngày tháng cơ quan*  *Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo*  *Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều*  *Chày đêm nệm cối đều đều suối xa*  *(Trích* ***Việt Bắc****– Tố Hữu)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Từ ngữ trong các ví dụ có sự lặp đi lặp lại. Có khi lặp lại toàn bộ, nối tiếp; có khi lặp mang tính chuyển tiếp, có khi lặp cách quãng.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.  - GV chuẩn kiến thức. | **I. Khái niệm**  **1. So sánh**  - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **2. Nhân hóa**  - *Nhân hóa* là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt.  **3. Điệp ngữ**  - *Điệp ngữ* là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh.  - Điệp ngữ có 3 dạng:  + Điệp ngữ nối tiếp: là các từ ngữ được điệp liên tiếp nhau, tạo ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng tiến.  + Điệp ngữ cách quãng  + Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng) |
| **NV3**  **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** KT động não, thảo luận nhóm bàn.  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3 SGK trang 44;  - GV yêu cầu HS đọc lại khổ hai của VB *Chuyện cổ tích về loài người*;  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  Từ đơn: ta, ơi, biển, lúa, đâu, trời, đẹp, hơn  Từ ghép: Việt Nam, đất nước  Từ láy: mênh mông  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng  **NV4:**  **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** KT động não, thảo luận nhóm bàn  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4 SGK trang 44;  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Biện pháp tu từ được sử dụng trong dòng thơ: *nhân hóa*;  + Tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa đối với dòng thơ: khiến làn gió trở nên gần gũi như con người, có nét hồn nhiên, đáng yêu như trẻ thơ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng  **NV5:**  **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** KT động não, thảo luận nhóm bàn  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 5 SGK trang 44;  - GV yêu cầu HS đọc lại đoạn thơ từ *Nhưng còn cần cho trẻ* đến *Từ bãi sông cát vắng*;  - GV yêu cầu HS tự làm bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Điệp ngữ trong các đoạn thơ là các từ ngữ:   * “rất”, “Từ cái…”, “Từ…”   + Tác dụng:   * “rất”: Nhấn mạnh mức độ, tính chất của các sự vật có trong lời ru của mẹ; * “Từ cái.”, “Từ…”: liệt kê những hình ảnh trong lời ru của mẹ.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng  **NV6: Bài tập 1 SGK trang 43 – 44;**  **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** KT động não, thảo luận nhóm bàn  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 SGK trang 43 – 44;  - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm để làm bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  a. Nghĩa của từ *nhô*  - *Nhô* là động từ để chỉ hành động của một sự vật vượt lên phía trên hoặc đưa ra phía trước so với nhưng cái xung quanh.  b. Không thể thay thế từ *nhô* bằng từ *lên* vì *lên* chỉ là một nét nghĩa có trong từ *nhô*.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng  **NV7: Bài tập 2 SGK trang 44**  **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** Nêu và giải quyết vấn đề, Làm việc cá nhân  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 SGK trang 44 và làm bài tập theo cá nhân.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm: Những từ trong và ngoài văn bản có thể đảo trật tự các thành tố để có từ khác đồng nghĩa:  - Những từ trong văn bản: màu sắc, khao khát, thơ ngây, bế bồng, mênh mông, …  - Những từ ngoài văn bản: quần áo, thầy cô, …  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng | **II. Bài tập**  **Bài tập 3 SGK trang 44**  - Chỉ ra những dòng thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh:  + *Cây cao bằng gang tay*, *Lá cỏ bằng sợi tóc*, *Cái hoa bằng cái cúc*, *Tiếng hót trong bằng nước*, *Tiếng hót cao bằng mây*.  *Cây, lá cỏ, cái hoa, tiếng hót* (vế A) được so sánh với *gang tay, sợi tóc, cái cúc, nước, mây* (vế B)*.*  - Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh đó trong việc thể hiện nội dung khổ thơ:  Hình ảnh thiên nhiên (vế A) được so sánh với những hình ảnh nhỏ, xinh, gắn với thế giới con người (vế B). Tiếng hót của chim – âm thanh được so sánh với nước, mây trời làm tăng tác dụng biểu đạt cho sự trong trẻo, cao vút của tiếng chim Thiên nhiên như nhỏ lại, gần gũi và thật dễ thương trong đôi mắt trẻ thơ.  **Bài tập 4 SGK trang 44**  - Biện pháp tu từ: *nhân hóa*;  - Tác dụng:  + *Thơ ngây* – một tính từ thường dùng để nói về đặc điểm của con người, đặc biệt là trẻ em để nói về gió  Tác dụng: khiến làn gió mang vẻ đáng yêu, hồn nhiên như trẻ thơ.  **Bài tập 5 SGK trang 44**  - Điệp ngữ trong các đoạn thơ là các từ ngữ:  + “rất”  + “Từ cái…”, “Từ…”  - Tác dụng:  + “rất”: Nhấn mạnh mức độ, tính chất của các sự vật có trong lời ru của mẹ;  + “Từ cái…”, “Từ…”: liệt kê lần lượt những hình ảnh phong phú trong lời ru của mẹ: là những hình ảnh nổi bật trong kho tàng văn hóa dân tộc.  Bài tập 1 SGK trang 43 – 44:  a. Nghĩa của từ *nhô*  - *nhô* (đt): đưa phần đầu cho vượt hẳn lên phía trên hoặc ra phía trước so với những cái xung quanh  mặt trời nhô cao: mặt trời chuyển động lên cao trên bầu trời và có phần đột ngột, vượt lên so với sự vật xung quanh như núi non, cây cối.  b. Không thể thay thế từ *nhô* bằng từ *lên* vì *lên* chỉ là một nét nghĩa có trong từ *nhô*.  *Nhô* có tính biểu cảm, gợi lên vẻ tinh nghịch, đáng yêu của hình ảnh mặt trời, phù hợp với cách nhìn, cách cảm của trẻ thơ.  **Bài tập 2 SGK trang 44**  - Những từ trong văn bản: màu sắc, khao khát, thơ ngây, bế bồng, mênh mông,…  - Những từ ngoài văn bản: quần áo, thầy cô, cha mẹ, bạn bè, yêu dấu,… |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PP/KTDH:** Viết tích cực.

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5 – 7 câu) có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ đã học nêu suy nghĩ của em về vai trò của trẻ em đối với xã hội. Chỉ ra những biện pháp tu từ đó.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp;  - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung;  - Hấp dẫn, sinh động;  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học;  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. | - Báo cáo thực hiện công việc;  - Phiếu học tập;  - Hệ thống câu hỏi và bài tập;  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐOẠN VĂN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức 3** | **Mức 2** | **Mức 1** |
| **Nội dung** | - Đoạn văn có chủ đề rõ ràng, thống nhất.  - Các câu liên kết chặt chẽ.  - Sử dụng từ ngữ hợp lý, tự nhiên.  ***(5,5 - 7,0 điểm)*** | - Đoạn văn có chủ đề tương đối rõ ràng.  - Các liên kết khá chặt chẽ.  - Sử dụng từ ngữ tương đối hợp lý.***(3,0 - 5,25 điểm)*** | - Đoạn văn chưa rõ chủ đề.  - Các câu còn rời rạc.  - Có xuất hiện từ ngữ  ***(0 – 2,75 điểm)*** |
| **Hình thức** | - Diễn đạt linh hoạt, trôi chảy.  - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp***(2,0 - 3,0 điểm)*** | - Diễn đạt rõ ràng.  -Mắc rất ít lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.***(1,25 – 1,75 điểm)*** | - Diễn đạt chưa rõ ràng.  - Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.***(0 - 1,0 điểm)*** |

**Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm**

(Giáo viên đánh giá học sinh ở bài tập 4, bài tập 5)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**Hướng dẫn về nhà:** Học thuộc bài, chuẩn bị tiết sau: Mây và sóng (Rabindranath Tagore)

**Rút kinh nghiệm: …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

-----------------------------------------------------------------------------------------

**TIẾT 21 – 22:**

**VĂN BẢN 2. MÂY VÀ SÓNG**

(Rabindranath Tagore)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được đặc điểm một bài thơ văn xuôi: không quy định số lượng tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, cũng như không yêu cầu có vần, nhịp.

- Nhận biết và nêu được tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.

- Nhận diện được đặc điểm nhất quán của tác phẩm: bài thơ là lời yêu thương của nhà thơ dành cho trẻ em, là tình mẫu tử thiêng liêng thấm đượm trong từng yếu tố hình thức như: sự lặp lại có biến đổi trong cấu trúc của bài thơ, giọng điệu tâm tình trò chuyện, các biện pháp tu từ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Mây và sóng.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Mây và sóng*.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu gia đình, hiểu và trân trọng tình mẫu tử thiêng liêng, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật, những đoạn phim ngắn (ngâm thơ, đọc thơ), tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**

**PP/KTDH:** Thuyết trình, làm việc cá nhân.

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:* Chúng ta ai cũng đều được bố mẹ sinh ra, nuôi nấng, chăm sóc, bảo ban. Chúng ta ai cũng muốn trở thành con ngoan, trò giỏi, nghe lời bố mẹ và thầy cô. Vậy em có tự thấy mình là một người con ngoan không? Đã bao giờ em nói dối bố mẹ hay đi chơi mà không nói với bố mẹ chưa? Những lúc đó, bố mẹ em có phản ứng thế nào và em cảm thấy như thế nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS trình bày, chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình;

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Chúng ta sẽ không tránh khỏi những lúc ham chơi mà quên không nói với bố mẹ. Chúng ta sẽ có lúc quên đi gia đình đầy yêu thương của mình để đi khám phá những điều ta cho là hấp dẫn bên ngoài. Nhưng gia đình vẫn luôn ở đó, che chở, vỗ về, động viên ta, cho ta một chỗ dựa tinh thần vững chắc. Em bé trong bài thơ ***Mây và sóng*** của Tagore đã đi chơi quên đường về, hay ở nhà với mẹ? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** Trình bày 1 phút  - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm;  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  **2. Tác giả, tác phẩm**  - Tên: Rabindranath Tagore  - Năm sinh – năm mất: 1861 – 1941  - Quê quán: Ấn Độ  - Là danh nhân văn hóa, nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ. Thơ Tagore chan chứa tình yêu đất nước, con người, cuộc sống,...  - *Mây và sóng* được in trong tập *Trăng non*. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của VB.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1**  **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** KT đặt câu hỏi, thảo luận cặp đôi.  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời các câu hỏi:  *+ Đọc bài thơ* ***Mây và sóng****, ta như được nghe kể một câu chuyện. Theo em ai đang kể với ai và kể về điều gì?*  *+ Phương thức biểu đạt của VB là gì? Có sự kết hợp nào ở đây không?*  *+ VB* ***Mây và sóng*** *có hình thức khác với VB* ***Chuyện cổ tích về loài người*** *như thế nào (số tiếng trong các dòng không bằng nhau, không vần, v.v…)? Vì sao nó vẫn được coi là VB thơ?*  - GV yêu cầu HS xác định bố cục và thể loại của VB:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Em bé đã kể với mẹ câu chuyện tưởng tượng của em nhằm bộc lộ tình yêu với mẹ;  + PTBĐ của VB là biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả;  + ***Mây và sóng*** khác ***Chuyện cổ tích về loài người*** nhưng vẫn được coi là VB thơ vì tác phẩm thể hiện cảm xúc, thế giới nội tâm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng  GV có thể bổ sung thêm:  + ***Mây và sóng*** khác ***Chuyện cổ tích về loài người*** nhưng vẫn được coi là VB thơ vì tác phẩm thể hiện cảm xúc, thế giới nội tâm. Trong thực tế, hình thức thơ không quy định số tiếng trong một dòng, không vần,… được gọi là thơ văn xuôi. Cách trình bày in ấn bài thơ là điều dễ nhận nhất để phân biệt với văn xuôi.  **NV2:**  **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** Thuyết trình, thảo luận cặp đôi  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi với câu hỏi:  *+ Qua lời trò chuyện của những người “trên mây” và “trong sóng”, em thấy thế giới của họ hiện lên như thế nào? Thế giới đó có gì hấp dẫn?*  *+ Cách đến với thế giới của họ có gì đặc biệt?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.  **NV3:**  **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** Nêu và giải quyết vấn đề, Làm việc cá nhân, động não  - GV đặt câu hỏi:  *+ Đầu tiên, em bé nói gì với những người “trên mây” và “trong sóng”? Tại sao em bé không từ chối ngay lời mời của họ?*  *+ Vì sao em bé từ chối lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **- Dự kiến sản phẩm:**  + Đầu tiên em bé đã hỏi những người “trên mây” và “trong sóng” làm cách nào để có thể đến những nơi như họ đến. Em bé không từ chối ngay vì em bé có khát khao muốn khám phá.  + Em bé từ chối lời mời của họ vì tình cảm em dành cho mẹ, vì em biết mẹ đang chờ em.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.  **NV4:**  **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** KT đặt câu hỏi, thảo luận cặp đôi.  - GV đặt câu hỏi:  *+ Em bé đã sáng tạo ra những trò chơi gì? Đó là những trò chơi nào? Trò chơi đó có gì thú vị so với lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”?*  *+ Em cảm nhận được gì về tình cảm mẹ con được thể hiện qua những trò chơi ấy?*  *+ Em cảm nhận như thế nào về câu thơ:* ***Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào****?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **- Dự kiến sản phẩm:**  + Em bé đã sáng tạo ra hai trò chơi để em và mẹ hóa thân thành mây và trăng, sóng và biển. Trò chơi đó thú vị hơn những lời mời kia vì em vừa có thể thỏa mãn khát khao trở thành mây, thành sóng, vừa được quấn quýt bên mẹ.  + Những trò chơi ấy thể hiện tình mẫu tử sâu sắc;  + Câu thơ *Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào* cho thấy hai mẹ con đi chơi khắp nơi, hòa nhập vào tất cả thế giới.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.  **NV5:**  **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** Trình bày 1 phút.  - GV yêu cầu: *Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB*.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Nghệ thuật: thơ văn xuôi, hình ảnh giàu ý nghĩa;  + Nội dung: ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | **II. Đọc – hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu chung**  - Người kể chuyện: em bé;  - Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả;  - Thể loại: thơ văn xuôi (thơ tự do);  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1: Từ đầu... *và mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm*: câu chuyện của em bé với những người “trên mây”;  + Phần 2: Tiếp theo... hết: câu chuyện của em bé với những người “trong sóng”.  **2. Tìm hiểu chi tiết**  ***2.1. Lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”***  - Thế giới của những người sống “trên mây”, “trong sóng”:  + Thế giới của những người sống “trên mây”: Rực rỡ, lung linh, huyền ảo (ánh sáng mặt trời vàng buổi bình minh, ánh sáng vầng trăng bạc khi đêm về);  + Thế giới của những người sống “trong sóng”: Vui vẻ và hạnh phúc (chỉ có ca hát và rong chơi khắp chốn từ khi thức dậy cho đến chiều tà).  Xa xôi, cao rộng, rực rỡ sắc màu, chứa đựng biết bao điều bí ẩn;  - Cách đến với họ:  + Đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời;  + Đến bờ biển cả, nhắm nghiền mắt lại.  Lời mời gọi của những người sống “trên mây”, “trong sóng” chính là tiếng gọi của thế giới diệu kỳ, lung linh huyền ảo đầy hấp dẫn.  Gợi lên trong em bé những khát khao được khám phá, ngao du ở những xứ sở xa xôi.  ***2.2. Lời từ chối của em bé***  - Sự lưỡng lự ở những câu hỏi đầu tiên:  *+ Nhưng làm thế nào mình lên đó được?*  *+ Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?*  Em bé vừa có những khao khát khám phá thế giới bên ngoài, vừa muốn ở nhà với mẹ.  - Lời từ chối của em bé:  *+ Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?*  *+ Làm sao có thể rời mẹ mà đi được?*  Sức níu giữ của tình mẫu tử. Tình yêu thương của mẹ đã thắng lời mời gọi đầy hấp dẫn của những người “trên mây” và “trong sóng”. Với em bé, được ở bên mẹ, làm mẹ vui và được mẹ yêu thương, che chở là niềm hạnh phúc không gì sánh được.  ***2.3. Trò chơi của em bé***  - Con là mây, mẹ là trăng, con lấy hai tay trùm lên người mẹ;  - Con là sóng, mẹ là bờ biển, con sẽ lăn, lăn, lăn và vỗ vào gối mẹ.  Tình cảm mẹ con sâu sắc:  *a. Tình cảm em bé dành cho mẹ*  - Luôn muốn ở bên mẹ, vui chơi cùng mẹ;  - Sáng tạo ra những trò chơi thú vị để mẹ có thể chơi cùng;  - Trò chơi vừa thỏa ước mong làm mây, làm sóng tinh nghịch, bay cao, lan xa phiêu du khắp chốn; lại vừa được quấn quýt bên mẹ - như mây quấn quýt bên vầng trăng, như sóng vui đùa bên bờ biển.  *b. Tình cảm mẹ dành cho em bé*  - Mẹ luôn muốn ở bên để chăm sóc, chở che, vỗ về: *mẹ mình đang đợi ở nhà*, *buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà*;  - Mẹ giống như ánh trăng dịu hiền soi sáng từng bước con đi, bờ biển bao dung ôm ấp, vỗ về;  - *Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào* Tình mẫu tử hòa quyện, lan tỏa, thâm nhập khắp vũ trụ mênh mông.  Cả bài thơ là tương quan của tình mẫu tử với thiên nhiên, vũ trụ Ca ngợi, tôn vinh tình mẫu tử bao la, thiêng liêng và vĩnh cửu.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thơ văn xuôi, có lời kể xen đối thoại;  - Sử dụng phép lặp, nhưng có sự biến hóa và phát triển;  - Xây dựng hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng.  **2. Nội dung**  Bài thơ thể hiện tình yêu thiết tha của em bé đối với mẹ, ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. Qua đó, ta cũng thấy được tình cảm yêu mến thiết tha với trẻ em của nhà thơ, với thiên nhiên, cuộc đời bình dị. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PP/KTDH:** Viết tích cực.

*- GV yêu cầu HS:* Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (5 – 7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PP/KTDH:** Phương pháp trò chơi, sắm vai.

*- GV yêu cầu HS:* GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận và nêu ý kiến của mình trong các tình huống:

***Tình huống 1****:* Nếu có bạn rủ em đi chơi và em thấy rất thú vị, nhưng ở nhà em vẫn còn bài tập chưa làm xong, bố mẹ cũng muốn em ở nhà để giúp đỡ bố mẹ, em sẽ làm gì?

***Tình huống 2****:* Nếu có bạn rủ em đi chơi, nhưng cả tuần mới có một ngày nghỉ, em muốn dành thời gian để đi chơi với gia đình, em sẽ làm gì?

***Tình huống 3****:* Nếu em được đi chơi, em rủ bạn em đi cùng, nhưng bạn lại từ chối vì còn bài tập phải hoàn thành, vì còn cần ở nhà phụ giúp bố mẹ hay vì bạn muốn dành thời gian cho gia đình của bạn, em sẽ có thái độ và ứng xử như thế nào?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp;  - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung;  - Hấp dẫn, sinh động;  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học;  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. | - Báo cáo thực hiện công việc;  - Phiếu học tập;  - Hệ thống câu hỏi và bài tập;  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐOẠN VĂN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức 3** | **Mức 2** | **Mức 1** |
| **Nội dung** | - Đoạn văn có chủ đề rõ ràng, thống nhất.  - Các câu liên kết chặt chẽ.  - Sử dụng từ ngữ hợp lý, tự nhiên.  ***(5,5 - 7,0 điểm)*** | - Đoạn văn có chủ đề tương đối rõ ràng.  - Các liên kết khá chặt chẽ.  - Sử dụng từ ngữ tương đối hợp lý.***(3,0 - 5,25 điểm)*** | - Đoạn văn chưa rõ chủ đề.  - Các câu còn rời rạc.  - Có xuất hiện từ ngữ  ***(0 – 2,75 điểm)*** |
| **Hình thức** | - Diễn đạt linh hoạt, trôi chảy.  - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp***(2,0 - 3,0 điểm)*** | - Diễn đạt rõ ràng.  -Mắc rất ít lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.***(1,25 – 1,75 điểm)*** | - Diễn đạt chưa rõ ràng.  - Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.***(0 - 1,0 điểm)*** |

**Hướng dẫn về nhà:** Học thuộc bài, chuẩn bị tiết sau: Thực hành tiếng Việt

**Rút kinh nghiệm: …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

-----------------------------------------------------------------------------------------